

NGÔN NGỮ VÀ VĂN CHƯƠNG

**ĐẶC ĐIỂM CỦA PHÉP SO SÁNH TU TỪ
TRONG CÁC TÁC PHẨM CỦA NGUYỄN HỒNG
(tiểu thuyết “Bỉ vô” và hồi kí “Những ngày thơ ấu”)****ĐỖ MAI HƯƠNG***

TÓM TẮT: So sánh là một trong những biện pháp tu từ phổ biến, mang lại hiệu quả cao cho tác phẩm văn chương. So sánh giúp cho nhà văn biến cái trừu tượng thành cái cụ thể, biến cái vô hình thành cái hữu hình, tạo nên những hình ảnh giàu sức gợi và cảm xúc, từ đó nâng cao giá trị nghệ thuật và khả năng truyền đạt của tác phẩm. Bài viết này khảo sát, nghiên cứu đặc điểm của phép so sánh trong các hai tác phẩm “Bỉ vô” và “Những ngày thơ ấu” của nhà văn Nguyễn Hồng, chỉ ra được sự vận dụng sáng tạo, linh hoạt mô hình so sánh ở các bình diện cấu trúc và ngữ nghĩa, đó là những nét đặc sắc, riêng có trong phép so sánh tu từ của Nguyễn Hồng.

TỪ KHÓA: so sánh tu từ; Nguyễn Hồng; “Bỉ vô”; “Những ngày thơ ấu”.

NHẬN BÀI: 16/11/2025.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 17/12/2025

1. Mở đầu

So sánh là một trong những biện pháp tu từ phổ biến và mang lại hiệu quả cao cho các tác phẩm văn chương. Biện pháp tu từ so sánh nhằm làm tăng sức gợi hình, gợi cảm, giúp người đọc, người nghe hình dung rõ nét, cụ thể hơn về sự vật, hiện tượng được nói đến; so sánh nhấn mạnh đặc điểm, giúp làm nổi bật những nét riêng biệt, thuộc tính của đối tượng được so sánh, khiến chúng trở nên sâu sắc và ấn tượng hơn; so sánh giúp làm bộc lộ cảm xúc, thái độ, người viết có thể truyền tải tình cảm, sự đánh giá, hoặc thái độ của mình đối với đối tượng được so sánh. Nghiên cứu cách thức so sánh trong tác phẩm văn học góp phần tìm hiểu ngôn từ của tác giả-tác phẩm, từ đó, tìm hiểu nội dung bên trong của tác phẩm và những tư tưởng, tình cảm, ngụ ý, tâm sự mà tác giả gửi gắm thông qua ngôn ngữ tác phẩm.

Trong văn học Việt Nam hiện đại, nói đến Nguyễn Hồng là nói đến nhà văn của các nhân vật là phụ nữ, nhi đồng và những người cùng khổ. Ngòi bút của Nguyễn Hồng bên vực người nghèo, những thân phận bất hạnh, cô đơn, những con người yếu thế nhưng bao giờ cũng cố vươn lên đấu tranh để bảo vệ nhân phẩm của mình.

Bài viết này tìm hiểu phép so sánh được Nguyễn Hồng trong tiểu thuyết “Bỉ vô” và hồi kí “Những ngày thơ ấu”.

2. Một số vấn đề chung về phép so sánh tu từ trong văn chương

Cho đến nay, đã có nhiều công trình ở trong và ngoài nước nghiên cứu về tu từ và so sánh tu từ trong các tác phẩm văn chương. Chẳng hạn, ở Việt Nam có các tác giả tiêu biểu như: Đinh Trọng Lạc (1964, 1996, 1998), Cù Đình Tú (1983), Hữu Đạt (2001), Nguyễn Thế Lịch (2001), v.v. Các nghiên cứu tập trung vào tìm hiểu các phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt, phong cách học tiếng Việt hiện đại, cấu trúc so sánh trong các tác phẩm văn chương.

a. Khái niệm so sánh

So sánh là một thao tác của tư duy: đem sự vật này đối chiếu với sự vật khác để thấy được nét tương đồng và khác biệt giữa chúng. Theo “*Từ điển tiếng Việt*” (Hoàng Phê, chủ biên, 2001) “so sánh” là “nhìn vào cái này mà xem xét cái kia để thấy sự giống nhau, khác nhau hoặc sự hơn kém”. Trong văn chương, theo Đinh Trọng Lạc “So sánh tu từ là một biện pháp tu từ ngữ nghĩa, trong đó người ta đối chiếu hai đối tượng khác loại của thực tế khách quan không đồng nhất với nhau hoàn toàn mà chỉ có một nét giống nhau nào đó, nhằm diễn tả bằng hình ảnh một lối tri giác mới mẻ về đối tượng” (1996, tr.154).

*Trường THCS Lạc Viên, phường Ngô Quyền, TP. Hải Phòng; Email: domaihuonganda@gmail.com

b. *Cấu trúc so sánh:*

Phép so sánh về cơ bản là đối chiếu hai hay nhiều sự vật, sự việc, hiện tượng có những nét tương đồng (giống nhau) nào đó. Theo đó, mô hình so sánh là:

A (t) tss B

Ví dụ: *Đôi mắt mẹ long lanh như hai vì sao*

A là cái được so sánh hay cái được nói đến (sự vật, sự việc được so sánh): *đôi mắt (mẹ)*.

B là cái so sánh hay cái dùng để làm chuẩn để so sánh (sự vật, sự việc dùng để so sánh): *hai vì sao*.

tss: từ ngữ so sánh, tức là, các từ ngữ tạo mối liên kết so sánh: *như*.

t: phương diện so sánh, tức là nét tương đồng giữa A và B (thành phần này có thể được ẩn): *long lanh*.

3. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

3.1. Đặc điểm các thành phần của cấu trúc so sánh trong các tác phẩm Nguyên Hồng

3.1.1. Các yếu tố của thành phần/ về A (được so sánh)

Các yếu tố được so sánh gồm từ và ngữ (cụm từ).

Yếu tố được so sánh là từ, gồm danh từ, động từ, tính từ, đại từ.

+ Danh từ: được sử dụng 47/320 lượt, chiếm tỉ lệ 14,7%, chủ yếu là những từ chỉ người, tên gọi và những gì thuộc con người, như: *Bính, Tám Bính, cảnh vật, mắt, người, trời, mây, gió đêm*,... ví dụ: *Trời như một cửa hang sâu thẳm* [tr.95].

+ Động từ: được sử dụng 6/320 lượt, chiếm tỉ lệ 1,9%, đều là những từ chỉ hoạt động của con người, như: *có, bước, khóc*,... ví dụ: *Hay bước đi, bước đi, như làn lá nhỏ bay theo gió* [tr.246].

+ Tính từ: được sử dụng 1/320 lượt, chiếm tỉ lệ 0,3% (nhiều...), ví dụ: *Trong lòng tôi xác lá vụn mãi ra, nhiều bao nhiêu lại biến nhanh đi bấy nhiêu* [tr.286].

+ Đại từ: được sử dụng 21/320 lượt, chiếm tỉ lệ 6,7%, thường là những đại từ nhân xưng (*nó, họ, tao, hắn*...), ví dụ: *Nhưng nó chẳng kém về thảm khốc, trái lại càng làm Bính đau đớn ghê sợ hơn* [tr.10].

Yếu tố được so sánh (A) là ngữ (cụm từ), như: danh ngữ, động ngữ, tính ngữ,

+ Danh ngữ: được sử dụng 42/320 lượt, chiếm tỉ lệ 13,1%, chủ yếu là những cụm danh từ chỉ các sự vật hiện tượng cụ thể hoặc trừu tượng (*một tình ồn ào đông đúc, vệt chàm dài, hai ống quần, những tàu lá cọ, một người, hai bàn tay, hai mắt thầy, mấy ngày đầu xuân năm ấy*...), ví dụ:

Mấy ngày đầu xuân của năm ấy tươi đẹp như màu xác pháo pháp phới chạy là trên những vĩa hè quét vôi trắng xóa [43, tr.299].

+ Động ngữ: được sử dụng 21/320 lượt, chiếm tỉ lệ 6,7%, chủ yếu là những cụm động từ chỉ hoạt động của con người (*trông Năm Sài Gòn bấy giờ, rồi chờ người nhìn Bính, không có những tiếng lâm râm, để sinh nở một cách giấu giếm và trốn tránh*...), ví dụ: *Trông Năm Sài Gòn bấy giờ như pho tượng núp trong bóng tối của ngôi chùa hoang* [43, tr.136].

+ Tính ngữ: được sử dụng 2/320 lượt, chiếm tỉ lệ 0,6%, ví dụ: (...) *mặc dầu mẹ tôi vì quá thương yêu tôi mà thành ra sợ tôi, vui vẻ chiều theo ý tôi như một tên nô lệ sung sức* [43, tr.300].

3.1.1. Các yếu tố trong thành phần/ về B (so sánh)

Cũng như về được so sánh, các đơn vị là từ và cụm từ được để làm yếu tố so sánh.

Các yếu tố so sánh là từ với các từ loại chủ yếu là danh từ, động từ, tính từ. Cụ thể:

+ Danh từ: được sử dụng 48/320 lượt, chiếm tỉ lệ 15%, chủ yếu là những danh từ chỉ những sự vật hiện tượng thuộc thế giới tự nhiên, như: *ri, thú dữ, gian hàng, to, tiên, máu động, nước, guom giáo*... Ví dụ: *Bính vừa lật chiếc tã vải lên, đàn muỗi bay ran ra như ri, náo động cả gian nhà* [tr.9]; *Bố mẹ Bính đối với Bính thật cận tàu ráo máng và đến mức độ ác hơn là thú dữ* [tr.13].

+ Động từ: được sử dụng 8/320 lượt, chiếm tỉ lệ 2,5%, thường là những động từ chỉ hoạt động của con người, như: *ru, cào, mê man, khóc*,... ví dụ: *Gió đêm như ru, Bính chợp mắt thiêu thiêu ngủ* [tr.30].

+ Tính từ: được sử dụng 6/320 lượt, chiếm tỉ lệ 1,9%, thường là những tính từ chỉ tâm trạng và cảm xúc của con người, như: *mới, to, khổ*, v.v. Ví dụ: *Và khi tôi đã ghen cuồng lên chỉ muốn cướp lấy,*

muốn đập phá, khi thấy các đồ đạc nọ được người mua mang về lau chùi bóng bẩy trông như mới [tr.261].

Yếu tố so sánh là các ngữ, gồm: danh ngữ, động ngữ, tính ngữ.

+ Danh ngữ được sử dụng 54/320 lượt, chiếm tỉ lệ 16,9%, chủ yếu là những danh ngữ chỉ những sự vật hiện tượng thuộc thế giới tự nhiên và con người, như: *một người tù nặng, một vết máu, hai năm, những vết rạn của chiếc vai sành...*, ví dụ: *Bính ghê sợ cho bố mẹ Bính và vợ chồng nhà phó lý kia đang tay cắt đứt tình yêu thương của mẹ con Bính như một khúc dồi, một miếng phèo vậy* [tr.20].

+ Động ngữ được sử dụng 88/320 lượt, chiếm tỉ lệ 27,5%, thường là những động ngữ chỉ hoạt động của con người, như: *biết trước một cảnh ngộ nghĩnh gì sắp xảy ra, kết thành khối đưa lên cổ Bính, đã chết đi nửa phần...*, ví dụ: *Bính tái mặt đi, sự đau đớn lại ran lên trong lòng Bính dần dần như kết thành khối, vít chặt lấy cổ họng* [tr.103].

+ Tính ngữ được sử dụng 5/320 lượt, chiếm tỉ lệ 1,6%, thường là những tính ngữ miêu tả tâm trạng và thuộc tính của con người, *sáng lên, tươi lên, nhẹ nhàng khác thường, thuở còn sung túc...*, ví dụ: *bỗng dưng trong giây phút, tâm trí Bính như sáng lên, tươi lên, nhẹ nhàng khác thường* [43, tr.101].

3.1.3. Các yếu tố tạo mối quan hệ liên kết so sánh (tnss)

Có 44 từ ngữ được tác giả Nguyễn Hồng dùng để tạo mối quan hệ liên kết so sánh (tnss).

Bảng 1. Tần số xuất hiện của các từ ngữ tạo mối quan hệ liên kết so sánh trong tiểu thuyết “Bỉ vỏ” và hồi kí “Những ngày thơ ấu”

STT	Từ so sánh	Tần số	STT	Từ so sánh	Tần số	STT	Từ so sánh	Tần số
1	như	223	16	tựa hồ như	1	31	có kém gì	1
2	cũng như	3	17	là	1	32	khác gì	1
3	trông như	3	18	hơn là	28	33	hơn hết	1
4	thì cũng như	1	19	đều là	3	34	tựa hồ	1
5	tương như	2	20	như là	1	35	tựa hồ như	1
6	đến như	1	21	nhất là	3	36	hơn cả	4
7	chứ đâu như	1	22	chỉ là	1	37	hơn	9
8	cứ như	1	23	coi như là	4	38	bằng	7
9	lại như	2	24	còn là	1	39	thật giống hệt	1
10	vẫn như	1	25	chỉ còn là	1	40	còn kém	1
11	như nhau	1	26	chính là	1	41	chẳng kém	1
12	như thế	4	27	khác hẳn	4	42	cũng không bằng	1
13	được như	1	28	giống	3	43	cũng chẳng	1
14	không như	1	29	giống hệt	1	44	chẳng	1
15	đương như	1	30	bao nhiêu - bấy nhiêu	3			
Tổng: 333								

Nhận xét:

- So sánh ngang bằng được sử dụng nhiều nhất, gồm các từ: “là” (28 lần), “bằng” (7 lần) còn lại là các từ “chỉ là, bao nhiêu - bấy nhiêu, đều là, coi như là, chính là, chẳng kém”. Ví dụ: *Có đẹp bằng tiên tôi cũng chẳng thềm* [tr.42].

- So sánh tương tự sử dụng các từ như: “như” (223 lần), “cũng như” (3 lần), “như là” (3 lần), “trông như” (3 lần), còn lại là các từ: “tương như, đến như, vẫn như, được như, đương như, tựa hồ như...”, ví dụ: *Bụng dưới Bính đau quặn tựa hồ bị ai cầm lấy ruột xoắn chặt* [tr.95].

- Các từ ngữ dùng để so sánh dị biệt hơn: hơn tuyệt đối (*nhất, nhất là, hơn hết*), hơn tương đối (*hơn, hơn cả, hơn là, còn hơn*) và quan hệ so sánh dị biệt kém (*thua, kém, không bằng, cũng không bằng, sao bằng, chẳng bằng, không như, chứ đâu như*). Ví dụ:

Năm thấy lần này sự giam cầm khổ sở hơn hết mọi lần [43, tr.172].

Bố mẹ Bình đối với Bình thật cạn tài ráo máng và đến mức độ ác hơn là thú dữ [tr.13].

Những chân song sắt to bằng cổ tay, những bức tường dày quét hấn in đen sì, những cùm sắt chắc nịch của xà lim A, xà lim B, xà lim Lô cốt trong Hỏa lò Hà Nội cũng không đáng khiếp sợ bằng những bức tường xi măng nhẵn bóng của xà lim sở mật thám Nam Định này in ánh trắng xanh trong xanh bóng [tr.173].

Có thể hình dung bằng bảng sau:

Bảng 2. Tần số xuất hiện các từ ngữ so sánh trong các nhóm so sánh
Trong tiểu thuyết “Bỉ vỏ” và hồi kí “Những ngày thơ ấu”

Nhóm so sánh		Từ ngữ so sánh	Số lượng	Tỉ lệ %
Nhóm so sánh đồng nhất	So sánh ngang bằng	<i>là, đều là, chỉ là, coi như là, bao nhiêu - bấy nhiêu, bằng, chẳng kém...</i>	46	13,8
	So sánh tương tự	<i>như, cũng như, trông như, thì cũng như, tương như, đến như, lại như, vẫn như, như thế, được như, đương như, tựa hồ như, có kém gì, khác gì, tựa hồ...</i>	232	70
Nhóm so sánh dị biệt	So sánh dị biệt hơn tương đối	<i>hơn, hơn cả, hơn hết, hơn là...</i>	22	6,6
	So sánh dị biệt hơn tuyệt đối	<i>nhất, nhất là, hơn hết</i>	15	4,5
	So sánh dị biệt kém	<i>thua, kém, không bằng, không như...</i>	16	5,1
Tổng số			333	100

3.2. Mối quan hệ giữa thành phần được so sánh với thành phần so sánh

3.2.1. Dựa vào cấu trúc

Dựa vào mặt cấu trúc, có thể phân ra các cấu trúc so sánh đầy đủ và không đầy đủ - tức là thiếu khuyết một yếu tố hay khía cạnh nào đó. Cụ thể như bảng sau

Bảng 3. Phân loại các kiểu so sánh dựa vào cấu trúc trong tiểu thuyết “Bỉ vỏ” và hồi kí “Những ngày thơ ấu”

Phân loại		Cấu trúc so sánh	Số lượt	Tỉ lệ %
Cấu trúc so sánh đầy đủ		A + x + tnss + B	83	26
		A+ B+ x+ tnss	1	0,3
		A1+ x1+ tnss1 + B1 + A2+ x2+ tnss2 + B2	6	1,9
		A + x + (tnss 1 + B1) + (tnss 2 + B2)	2	0,6
		A + x + tnss + B1 + B2+...	2	0,6
		x + A + tnss + B	3	0,9
		A + tnss + B + x	2	0,6
Cấu trúc so sánh	Thiếu yếu tố được so sánh (A)	x + tnss + B	15	4,7
		tnss + B + x	1	0,3

không đầy đủ	Thiếu yếu tố được so sánh (A) và yếu tố phương diện so sánh (x)	tnss + B	4	1,2
	Thiếu yếu tố phương diện so sánh (x)	A + tnss + B	155	48,3
		A + (tnss 1 + B1) + (tnss2 + B2)	6	1,9
		A + tnss + B1 + B2+...	1	0,3
		A1 + tnss 1 + B1 + A2 + tnss 2 + B2	5	1,6
		B + tnss + A	7	2,1
		tnss + B + A	6	1,9
	Thiếu từ so sánh (tnss), phương diện so sánh (x)	A+B	3	0,9
Tổng		17	320	100

Nhận xét:

- Các kiểu cấu trúc so sánh trong tiểu thuyết “*Bỉ vô*” và hồi kí “*Những ngày thơ ấu*” của Nguyên Hồng rất đa dạng và phong phú. Ngoài mô hình cấu trúc so sánh đầy đủ gồm bốn yếu tố (yếu tố được so sánh, yếu tố phương diện so sánh, yếu tố thể hiện quan hệ so sánh, yếu tố được đem ra làm chuẩn so sánh), nhà văn Nguyên Hồng đã tạo ra các mô hình mở rộng yếu tố, lược bỏ yếu tố và các mô hình đảo trật tự giữa các yếu tố trong một phép so sánh.

- Trong 17 kiểu cấu trúc so sánh được ông sử dụng, kiểu cấu trúc A + tnss + B được ưa dùng nhất (chiếm 48%), tiếp đó là các kiểu A + x + tnss + B (chiếm 26%); x + tnss + B (chiếm 4,7%). Các kiểu cấu trúc còn lại là các mô hình mở rộng yếu tố, lược bỏ yếu tố và các mô hình đảo trật tự giữa các yếu tố trong một phép so sánh. Tuy có số lượt sử dụng không nhiều (có kiểu cấu trúc chỉ xuất hiện một hoặc hai lần) nhưng chính những biến thể đặc biệt này đã thể hiện sự biến hoá sinh động và kì thú trong việc sử dụng ngôn từ trong phương thức so sánh của Nguyên Hồng.

Dưới đây là một vài dẫn chứng để minh họa:

Bính vừa lật chiếc tã vải lên, đàn muỗi bay ran ra như ri, náo động cả gian nhà [tr.9].

Giọng Năm rắn như đánh như thép, mắt Năm quắc lên long sông sọc những căm hờn [tr.151].

Trẻ con cũng như người lớn sao họ tươi tỉnh thế kia [43, tr.280]!

Đeo một cái tiếng theo giai, Bính như đã chết đi nửa phần [tr.44].

Phải đấy, gon ghẽ và tươi như hoa thế này mời ai mà chả đất nhờ [tr.99]!

Bính như đứt từng khúc ruột [tr.19].

Vì người ta hiểu rằng: giai là một đứa xô xiên chỉ phá hoại trình tiến người đàn bà, còn kẻ theo nó phải là một con đĩ thỏa vô cùng [tr.24].

Bính càng gạt, nước mắt càng đầm đìa; Bính tưởng đến đứt ruột mất [tr.41].

3.2.2. Dựa vào quan hệ ngữ nghĩa giữa vế A và vế B

Giữa hai vế A và B có các mối quan hệ như: trừu tượng - cụ thể, cụ thể - cụ thể, cụ thể - cụ thể, trừu tượng-trừu tượng. Có thể hình dung bằng bảng sau:

Bảng 3. Các kiểu so sánh dựa vào quan hệ ngữ nghĩa trong tiểu thuyết “*Bỉ vô*” và hồi kí “*Những ngày thơ ấu*”

Quan hệ ngữ nghĩa	Số lượng	Tỉ lệ
trừu tượng - cụ thể	30	9,9%
cụ thể - cụ thể	174	57,2%
cụ thể - trừu tượng	59	19,4%
trừu tượng - trừu tượng	41	13,5%
Tổng	304	100%

Nhận xét”:

Qua bảng trên cho thấy, nhà văn Nguyên Hồng dùng nhiều nhất là kiểu quan hệ so sánh ở dạng “cụ thể - cụ thể” chiếm tỉ lệ 57,2%, sau đó lần lượt đến các dạng quan hệ ngữ nghĩa “cụ thể - trừu tượng” chiếm tỉ lệ 19,4%; “trừu tượng - trừu tượng” chiếm tỉ lệ 13,5%; “trừu tượng - cụ thể” chiếm tỉ lệ 9,9%. Ví dụ:

- trừu tượng - cụ thể:

Trong cái phút giây ấy, Bình đặt mình vào một giấc mộng sáng sủa như gian hàng [tr.22];

Tâm trí Bình đã tôi bởi như mở bóng trước cơn gió lốc [tr.95]...

- cụ thể - cụ thể:

Bình chờ người nghĩ mãi trước tá mùi soa lụa gấp trong tờ giấy bóng, trông như những bông hoa ép khô [tr.22];

Bình tưởng con đường Bình đi tới tăm hoang vắng như cảnh một bãi tha ma [tr.24]; Đôi hoa tai to như cái khóa [tr.289].

- cụ thể - trừu tượng, ví dụ:

Bình như đứt từng khúc ruột [tr.19];

Đeo một cái tiếng theo giai, Bình như đã chết đi nửa phần [43, tr.44].

- trừu tượng-trừu tượng, ví dụ:

Bình tái mặt đi, sự đau đớn lại ran lên trong lòng Bình dần dần như kết thành khối, vít chặt lấy cổ họng [tr.103];

Qua những tia sáng huyền ảo ấy, cả ba đều thấy hiện hiện bao hình ảnh lạ lùng chập chờn như cảnh thần tiên vậy [tr.126].

3.3. Dựa vào mục đích so sánh

Trên cơ sở tư liệu thu thập được, có thể thấy, trong tiểu thuyết “*Bỉ vờ*” và hồi kí “*Những ngày thơ ấu*” phép so sánh được nhà văn Nguyên Hồng dùng với một số mục đích sau.

Bảng 4. Phân loại so sánh dựa vào mục đích trong tiểu thuyết “*Bỉ vờ*” và hồi kí “*Những ngày thơ ấu*”

Mục đích diễn đạt	Số lần	Tỉ lệ
So sánh để giải thích	106	33,1%
So sánh để đánh giá	94	29,4%
So sánh để miêu tả	67	21%
So sánh để bộc lộ cảm xúc	53	16,5%
Tổng	320	100%

Nhận xét:

Phép so sánh được nhà văn Nguyên Hồng sử dụng trong tiểu thuyết “*Bỉ vờ*” và hồi kí “*Những ngày thơ ấu*” để giải thích rõ hơn, hay hơn về đối tượng (33,1%); sau đó là nhằm để bình giá về đối tượng (29,4%); còn lại, so sánh để miêu tả (21%) và so sánh để bộc lộ cảm xúc (16,5%). Ví dụ:

- So sánh để đánh giá, nhận xét:

Năm Sài Gòn luôn luôn vung tay thờ hất ra thật mạnh, như muốn trút hết mọi sự nung nấu trong người, thì càng thấy tâm trí ngùn ngụt [tr.148];

Tiếng cười nói ồn ào và tiếng máy chạy ầm ầm huyền ảo như cái chợ to về ngày hội [tr.190].

- So sánh để giải thích:

Mà biết đến bao giờ Bình mới có được một cuộc đời trong sạch êm đềm như cuộc đời của mọi người trong buổi đầu xuân? [tr.201];

Tôi đưa như vút cái nắp quả cho mẹ tôi [tr.299];

Đời sống của mẹ tôi bao giờ cũng chỉ là cái bóng ngăn của bức tường dày mãi mãi thần phục ở dưới chân để rồi sẽ tan xuống đất nếu ánh sáng soi tắt [tr.264].

- So sánh để miêu tả:

Bọt mép Năm xùi ra, hai mắt long sòng sọc như nẩy lửa [tr.209];

Hơi sương bàng bạc trước ánh đèn điện sáng ngời bị dòn cao lên và tan ra xa, sau đấy một mảng trời trông như tấm màn nhung xanh phớt sắp sửa vén lên [tr.282];

Hai mắt thầy như hai hòn bi ve ánh ra những vằn sóng [tr.316].

- So sánh để bộc lộ cảm xúc:

Bính thấy như gió lạnh đã trút sạch mọi sự rối loạn tối tăm trong người Bính [tr.215];

Đời sống của mẹ tôi bao giờ cũng chỉ là cái bóng ngẩn của bức tường dày mãi mãi thân phục ở dưới chân để rồi sẽ tan xuống đất nếu ánh sáng soi tắt [tr.264];

Phong tục và lễ nghi cổ hủ đã bắt một người mẹ coi sự sinh nở khi chưa đoạn tang chồng cũ ghê tởm hơn là những tội gian ác xấu xa nhất [tr.301].

4. Nét đặc sắc, riêng có trong phép so sánh tu từ của Nguyên Hồng ở “Bỉ vỏ” và hồi kí “Những ngày thơ ấu”

Bên cạnh đặc điểm thường thấy về vai trò của phép so sánh trong các tác phẩm văn chương, phép so sánh mà Nguyên Hồng sử dụng còn mang màu sắc riêng, việc thể hiện đặc điểm phong cách của ngòi bút Nguyên Hồng, như

Thứ nhất, Nguyên Hồng hay dùng lối so sánh quen thuộc của dân gian Thông kê cho thấy, trong tiểu thuyết “Bỉ vỏ” Nguyên Hồng có đến 20 lần sử dụng so sánh là thành ngữ ở 320 phép so sánh chiếm tỉ lệ 6,2%. Dùng lối so sánh quen thuộc của dân gian, Nguyên Hồng đã thổi vào đó một phong cách ngôn ngữ riêng của một người viết văn “giàu cảm hứng lãng mạn và đậm chất thơ” [30, tr.8]. Có khi cùng là một thành ngữ lúc được Nguyên Hồng sử dụng trong so sánh này, lúc lại được dùng trong so sánh khác. Ví dụ: *ồn ào như lúc chợ vỡ*, [tr.139], *sự ồn ào như chợ vỡ* [tr.144], *huyền não như cái chợ to* [43].

Thứ hai, Nguyên Hồng thường tạo nên lối so sánh mới lạ, độc đáo. Có thể thấy, bên cạnh lối so sánh quen thuộc của dân gian thì Nguyên Hồng còn tạo ra được những kiểu so sánh mới lạ, độc đáo. Chẳng hạn:

Tâm trạng, cảm xúc của nhân vật luôn được so sánh với thiên nhiên. Thiên nhiên thường được Nguyên Hồng chọn làm chuẩn để so sánh với yếu tố được so sánh là những tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong tiểu thuyết “Bỉ vỏ” và hồi kí “Những ngày thơ ấu”. Dưới ngòi bút trữ tình của tác giả, thiên nhiên hiện diện như một phương tiện để bộc lộ nội tâm nhân vật. Vì thế, thiên nhiên có khi rất đẹp, nhẹ nhàng, trong sáng, nhưng cũng có khi thâm trầm, vờ vẩn. ví dụ: *“hai gò má mẹ tôi hồng lên và mắt lấp lánh: màu hồng của gò má ấy, tia sáng vui mừng của con mắt long lanh ấy, mơn mớn như những búp bàng non lặng thắm nắng xuân rực rỡ lúc bấy giờ”* [tr.302]. Nhưng khi nhằm diễn tả tâm trạng thất vọng, nỗi cô đơn, sự buồn đau của nhân vật thì cảnh vật như vờ vẩn, mờ mờ khó nhận diện *“tôi hãy còn cảm giác tê lạnh cái nền mây lờm chờm như ruộng mới cày vỡ và thứ hơi mờ mờ như khói do các cây cỏ ửng nát trong lạnh lẽo phù sa”*, tôi thấy *“vụn lá cây soi sáng như bụi của vành trăng, rồi lại thấy bầu trời như thủy tinh xanh phối, cảnh vật mơ hồ và êm như trong biển khơi khói chập chờn mênh mông”* [tr.295].

So sánh cho thấy sự liên tưởng bất ngờ, thú vị. Có thể thấy, giá trị gợi cảm của phép tu từ so sánh trong tiểu thuyết “Bỉ vỏ” và hồi kí “Những ngày thơ ấu” được tạo ra chủ yếu bởi những so sánh là những liên tưởng sáng tạo mang tính cá nhân, gợi ra những liên tưởng thú vị độc đáo. Ví dụ: *Giấc mơ nhẹ nhàng và man mác như khói thổi com chiều lặng xuống, quuyền ánh nắng thu vàng tiêu tan, để lại trong lòng tôi tới mãi lúc sáng rõ, có khi đến ngày hôm sau, những êm ái vô cùng* [tr.295].

5. Kết luận

Qua khảo sát cho thấy, nhà văn Nguyễn Hồng đã sử dụng phép so sánh tu từ một cách sáng tạo, linh hoạt. Nhờ đó, các đối tượng so sánh trong tác phẩm của Nguyễn Hồng được hiện hữu một cách cụ thể, đậm nét; thể hiện phong cách ngôn ngữ của tác giả một cách riêng biệt - đó là nhà văn của những cảm xúc mãnh liệt, người viết văn xuôi bằng thơ, bằng cái chất trữ tình đậm thắm. So sánh tu từ trong tiểu thuyết “*Bỉ vờ*” và hồi kí “*Những ngày thơ ấu*” hàm chứa nhiều tầng ý nghĩa. Sự so sánh như một phương thức mới để khẳng định phong cách riêng của Nguyễn Hồng - một cây bút hiện thực tiêu biểu của dòng văn học hiện thực đầu thế kỉ XX. Nguyễn Hồng đã rất thành công với việc sử dụng so sánh tu từ trong sáng tác của mình, chính nó đã góp phần khẳng định tài năng của ngòi bút nhà văn của những người cùng khổ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hà Châu (1966), “Cách so sánh trong ca dao ngày nay”, Tạp chí *Văn học*, số 9.
2. Nguyễn Thái Hoà (1997), *Dẫn luận phong cách học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Đinh Trọng Lạc (1996), *99 biện pháp tu từ tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Đinh Trọng Lạc (1993), *Phong cách học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Phong Lê, *Văn Nguyễn Hồng*, <http://www.google.com.vn>.
6. Nguyễn Thế Lịch (2001), “Cấu trúc so sánh trong tiếng Việt”, Tạp chí *Ngôn ngữ* số 7 & 9.
7. Nguyễn Ánh Ngân (tuyển chọn, biên soạn)(2002), *Nguyễn Hồng tám lòng qua trang viết*, Nxb Văn hóa thông tin
8. Nguyễn Đăng Mạnh (chủ biên)- Chu Văn Sơn, *Nguyễn Hồng con người và sự nghiệp*,(1988), Nxb Hải Phòng.
9. Lê Lưu Oanh (tuyển chọn và biên soạn) (1996), *Nhà văn và tác phẩm trong nhà trường phổ thông: Nguyễn Hồng, Tô Hoài*, Nxb Giáo dục.
10. Cù Đình Tú (1983), *Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
11. Nguyễn Thế Truyền (2003), “Vài điều lí thú về phép so sánh”, Tạp chí *Ngôn ngữ và đời sống* số 3.
12. Vũ Ngọc Phan (in lại năm 1989), *Nhà văn hiện đại (tập 2)*, Nxb Khoa học xã hội
13. Vũ Quốc Văn, *Nhà văn Nguyễn Hồng – tài năng và nhân cách*, <http://www.google.com.vn>.
14. Bùi Khắc Việt (1978), “Về tính biểu trưng của thành ngữ so sánh trong tiếng Việt”, Tạp chí *Ngôn ngữ* số 1.
15. Hoàng Phê (chủ biên; 2001), *Từ điển tiếng Việt*. Nxb Đà Nẵng.

NGŨ LIỆU KHẢO SÁT

Nguyễn Hồng (2010), *Bỉ vờ, Những ngày thơ ấu*, Nxb Lao động.

Characteristics of rhetorical comparisons in Nguyen Hong's works (Novel “*Bỉ vờ*” and Memoir “*Những ngày thơ ấu/Childhood Days*”)

Abstract: Comparison is one of the most common and effective rhetorical devices in literature. It allows writers to transform the abstract into the concrete, the intangible into the tangible, creating evocative and emotionally rich imagery, thereby enhancing the artistic value and communicative power of the work. This article examines the characteristics of comparison in the two works “*Bỉ vờ*” and “*Childhood days*” by the writer Nguyen Hong, highlighting the creative and flexible application of the comparison model at both structural and semantic levels - unique features of Nguyen Hong's rhetorical comparison.

Key words: rhetorical comparisons; Nguyễn Hồng; “*Bỉ vờ*”; “*Những ngày thơ ấu/ Childhood Days*”.